

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX,
nhiệm kỳ 2025 - 2030

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XX diễn ra từ ngày 01/10/2025 đến ngày 03/10/2025, tại phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An, sau khi thảo luận các văn kiện do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX trình,

QUYẾT NGHỊ

I- Tán thành những nội dung cơ bản về đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu 5 năm 2025 - 2030 nêu trong Báo cáo chính trị trình Đại hội.

1. Đánh giá tổng quát 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX

Nhiệm kỳ 2020 - 2025 diễn ra trong bối cảnh khó khăn, thách thức nhiều hơn dự báo. Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Nghệ An đã phát huy truyền thống đoàn kết, nỗ lực phấn đấu đạt được nhiều kết quả quan trọng, toàn diện, với nhiều điểm sáng nổi bật. Phần lớn các chỉ tiêu chủ yếu đạt và vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra.

Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị được chú trọng, đổi mới đồng bộ, đạt nhiều kết quả quan trọng. Năng lực lãnh đạo của cấp ủy, hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp được nâng lên. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và hội quần chúng có nhiều đổi mới, đóng góp tích cực vào thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

Kinh tế tăng trưởng khá, cao hơn mức tăng giai đoạn 2016 - 2020. Quy mô GRDP gấp 1,7 lần, GRDP bình quân đầu người gấp 1,67 lần so với năm 2020. Huy động nguồn lực và thu hút đầu tư đạt kết quả nổi bật. Công nghiệp - xây dựng phát triển mạnh; hoàn thành, đưa vào sử dụng nhiều dự án trọng điểm. Dịch vụ phát triển đa dạng, chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế; kim ngạch xuất khẩu vượt xa mục tiêu. Nông, lâm, ngư nghiệp phát triển ổn định, nâng cao hiệu quả; chương trình xây dựng nông thôn mới đạt nhiều thành tựu. Các vùng

kinh tế trọng điểm tăng trưởng nhanh, đóng góp lớn vào phát triển chung của tỉnh; vùng miền Tây tiếp tục phát triển theo hướng bền vững. Khoa học, công nghệ, chuyển đổi số được chú trọng. Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được tăng cường. Diện mạo đô thị, nông thôn ngày càng đổi mới theo hướng văn minh, hiện đại.

Văn hóa, thể thao phát triển đúng định hướng, đạt nhiều kết quả tích cực. Giáo dục và đào tạo chuyển biến toàn diện, chất lượng có bước tiến bộ vượt bậc. Y tế phát triển nhanh, công tác chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe Nhân dân có nhiều tiến bộ. Các chính sách việc làm, an sinh xã hội, người có công, trợ giúp xã hội, giảm nghèo được triển khai đồng bộ, đạt nhiều kết quả thiết thực; đời sống Nhân dân ngày càng cải thiện. Quốc phòng được củng cố; an ninh, trật tự an toàn xã hội giữ vững. Công tác đối ngoại đạt nhiều kết quả quan trọng.

Tuy vậy, việc thực hiện nhiệm vụ trên các lĩnh vực còn những khó khăn, hạn chế: Hoạt động của hệ thống chính trị, nhất là ở cấp xã, phường có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong bối cảnh, tình hình mới. Kinh tế chưa tạo được sự phát triển đột phá, chất lượng tăng trưởng chưa cao. Các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế biển, du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; tỷ lệ hộ nghèo còn cao hơn mức bình quân chung của cả nước. Trật tự, an toàn xã hội vẫn còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp.

2. Mục tiêu tổng quát, các chỉ tiêu và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhiệm kỳ 2025 - 2030

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu đến năm 2030, Nghệ An trở thành tỉnh khá của cả nước, cực tăng trưởng tầm quốc gia; là trung tâm của khu vực Bắc Trung Bộ về công nghiệp và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, thương mại, logistics, du lịch; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe Nhân dân không ngừng được nâng cao; giá trị hệ sinh thái rừng, biển, đảo, văn hóa, lịch sử và truyền thống, nhất là văn hóa xứ Nghệ được bảo tồn và phát huy; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biên giới, biển, đảo được giữ vững. Tầm nhìn đến năm 2045, Nghệ An trở thành tỉnh có thu nhập cao, phát triển toàn diện, văn minh, hiện đại.

2.2. Các chỉ tiêu chủ yếu

Phấn đấu thực hiện tốt các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo định hướng tại Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 18/7/2023 và các nghị quyết chuyên đề của Bộ Chính trị, các chương trình mục tiêu quốc gia, đề án của Chính phủ và quy hoạch tỉnh.

Tập trung thực hiện 39 chỉ tiêu và nhóm chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2025 - 2030 gồm: 05 nhóm chỉ tiêu về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; 10 nhóm chỉ tiêu về kinh tế, khoa học, công nghệ; 17 chỉ tiêu về văn hóa - xã hội; 05 chỉ tiêu về môi trường; 02 chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh (*bảng Phụ lục kèm theo*), trong đó:

Số tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy và cán bộ diện Tỉnh ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy quản lý hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt tỷ lệ từ 90 - 95%. Kết nạp đảng viên mới hằng năm đạt 3 - 4% so với tổng số đảng viên của Đảng bộ tỉnh. Tinh gọn đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị và tinh giản biên chế bảo đảm chỉ tiêu Trung ương giao. Cơ bản hình thành và vận hành hiệu quả chính quyền số hiện đại trước năm 2030.

Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 12% trở lên; GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 165 triệu - 190 triệu đồng. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2026 - 2030 đạt khoảng 1.150 nghìn tỷ đồng. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 12% trở lên.

Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt khoảng 0,78. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân khoảng 0,5 - 1,5%/năm. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số; tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt 41,5%. Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự hằng năm đạt trên 80%.

2.3. Đột phá phát triển

Tập trung thực hiện các đột phá phát triển các lĩnh vực theo chủ trương chỉ đạo của Trung ương, trong đó:

Đột phá về thể chế: Tập trung xây dựng, ban hành đồng bộ các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh theo hai nhóm trọng tâm: (1) Kiến tạo phát triển, thu hút và khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực then chốt; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học - công nghệ, hệ sinh thái khởi nghiệp, doanh nghiệp tư nhân và các động lực tăng trưởng mới; (2) Tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng và khơi thông nguồn lực phát triển; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền gắn với làm rõ trách nhiệm, phát huy tính chủ động, linh hoạt, sáng tạo của các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị.

Đột phá về phát triển nguồn nhân lực: Tập trung phát triển toàn diện nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao. Triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học theo hướng hiện đại, hội nhập; phân đầu có ngành đào tạo đạt chuẩn quốc tế. Thúc đẩy mô hình đào tạo linh hoạt, bồi dưỡng kỹ năng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và doanh nhân. Đẩy mạnh thu hút,

trọng dụng nhân tài, lao động kỹ thuật cao. Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Đột phá về phát triển kết cấu hạ tầng: Tập trung phát triển hạ tầng giao thông chiến lược, có tính kết nối, tác động lan tỏa, tạo động lực đối với phát triển. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, hạ tầng khoa học - công nghệ, logistics, năng lượng, thủy lợi đa mục tiêu và các công trình phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu. Phát triển hạ tầng đô thị hiện đại, hạ tầng xã hội thiết yếu và nhà ở xã hội.

2.4. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

Để thực hiện thành công các mục tiêu, chỉ tiêu đã xác định, cùng với đổi mới mạnh mẽ, quyết liệt công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hoàn thiện thể chế, cơ chế vận hành bộ máy các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, Đại hội thống nhất tập trung thực hiện hiệu quả các nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất: Đổi mới, xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; tinh gọn, nâng cao chất lượng, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Trong đó, tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo, bản lĩnh chính trị, trình độ, vai trò nêu gương, tính chiến đấu của các cấp uỷ, tổ chức đảng và mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp. Tiếp tục đẩy mạnh, thực hiện thường xuyên, sâu rộng, việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, kiểm soát quyền lực. Đổi mới công tác dân vận, tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị. Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ chủ chốt. Đổi mới phương thức, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, tăng cường công tác giám sát thường xuyên và cảnh báo vi phạm. Tăng cường công tác nội chính, cải cách tư pháp, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Thứ hai: Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiện đại, bền vững, nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh. Phát triển đồng bộ và bền vững các trụ cột kinh tế: Phát triển công nghiệp, xây dựng theo hướng hiện đại, xanh, bền vững và có giá trị gia tăng cao. Phát triển nông nghiệp xanh, thông minh, sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao giá trị và tính liên kết trong chuỗi sản phẩm. Phát triển dịch vụ theo hướng hiện đại, chất lượng cao, bền vững; thúc đẩy chuyển đổi số; hình thành các ngành dịch vụ mũi nhọn. Phát triển du lịch bền vững theo hướng chuyên nghiệp,

chất lượng và hiệu quả; phấn đấu đến năm 2030, du lịch cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo hướng bền vững, toàn diện, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Thứ ba: Phát triển các vùng kinh tế, hành lang kinh tế, đô thị, khu vực nông thôn và phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng liên kết, hiện đại, bền vững. Tiếp tục cụ thể hóa và triển khai thực hiện hiệu quả định hướng về phát triển các khu vực trọng điểm, các hành lang kinh tế và hệ thống đô thị theo Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị và quy hoạch tỉnh. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, phát triển các trung tâm cụm xã gắn với phát triển kinh tế - xã hội nông thôn. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Thứ tư: Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững. Tập trung thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ; ưu tiên phát triển các lĩnh vực có tiềm năng, thế mạnh về khoa học, công nghệ; xây dựng Nghệ An trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ của khu vực Bắc Trung Bộ. Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên các lĩnh vực quản lý nhà nước, kinh tế, văn hóa - xã hội. Xây dựng chính quyền số hiệu quả, phục vụ tốt hơn người dân và doanh nghiệp. Phát triển xã hội số gắn với xây dựng công dân số.

Thứ năm: Quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên; bảo vệ môi trường, phát triển bền vững và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai. Tăng cường năng lực quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng lập, tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và ứng dụng công nghệ trong quản lý đất đai, tài nguyên. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm về tài nguyên và môi trường. Thúc đẩy xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường. Chủ động triển khai các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

Thứ sáu: Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đời sống Nhân dân và bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội. Phát triển toàn diện văn hóa và con người Nghệ An thực sự trở thành sức mạnh mềm, nguồn lực nội sinh của phát triển. Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển. Phát triển hệ thống y tế hiện đại, công bằng, bền vững; tạo đột phá trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Nâng cao hiệu quả công tác

lao động, việc làm, thực hiện tốt chính sách người có công, bảo đảm an sinh xã hội. Thường xuyên đặc biệt quan tâm, chú trọng thực hiện và nâng cao hiệu quả công tác dân tộc, tôn giáo.

Thứ bảy: Quán triệt, triển khai kịp thời, hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, gắn với xây dựng thế trận lòng dân vững chắc. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại. Bảo đảm an ninh chính trị, giữ vững an ninh biên giới và vùng đặc thù; thực hiện tốt công tác phòng ngừa, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội. Xây dựng lực lượng vũ trang tinh trong sạch, vững mạnh toàn diện, cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và hiện đại. Phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong công tác bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn để phát triển.

Thứ tám: Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế toàn diện và thúc đẩy liên kết phát triển vùng. Củng cố và làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác truyền thống với các địa phương của Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; chủ động mở rộng hợp tác với các đối tác chiến lược, nhất là các quốc gia, vùng lãnh thổ có tiềm lực về khoa học, công nghệ, tài chính, đào tạo nhân lực và đổi mới sáng tạo. Chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Trung ương, các tổ chức quốc tế và nhà đầu tư lớn để triển khai các chương trình, dự án trọng điểm, tạo động lực tăng trưởng cho tỉnh trong giai đoạn phát triển mới. Đổi mới hợp tác với các trung tâm phát triển, các tỉnh, thành phố trong vùng để nâng cao hiệu quả liên kết phát triển.

II- Thông qua Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX trình tại Đại hội.

Giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX tiếp thu ý kiến của Đại hội, phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế, khuyết điểm, nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo trong nhiệm kỳ tới.

III- Thông qua Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cấp ủy, tổ chức đảng và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX tiếp thu ý kiến Đại hội, bổ sung, hoàn chỉnh, báo cáo Ban Chấp hành Trung ương.

IV- Thông qua kết quả bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX gồm 68 đồng chí; kết quả bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc

lần thứ XIV của Đảng gồm 30 đại biểu chính thức và 03 đại biểu dự khuyết. Giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX hoàn chỉnh hồ sơ kết quả bầu cử, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các ban đảng Trung ương có liên quan để chuẩn y theo quy định.

V- Giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX căn cứ Nghị quyết Đại hội và quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, ban hành chương trình hành động, các kế hoạch công tác để lãnh đạo thực hiện hiệu quả.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XX là mốc đánh dấu bước chuyển giai đoạn quan trọng, với tầm nhìn xa hơn trong tiến trình phát triển theo đường lối đổi mới của Đảng. Đại hội thể hiện ý chí, khát vọng vươn lên mạnh mẽ hơn của Đảng bộ và Nhân dân để đạt tới mục tiêu phát triển tỉnh nhà như di nguyện thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và định hướng chỉ đạo của Trung ương. Đảng bộ, chính quyền, Nhân dân, các lực lượng vũ trang toàn tỉnh nguyện đoàn kết, nỗ lực nhiều hơn, quyết tâm cao hơn, phát huy truyền thống và mọi tiềm năng, tận dụng cơ hội, vượt qua khó khăn, thách thức, đổi mới sáng tạo, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội đề ra, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Nơi nhận:

- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Các cơ quan chuyên trách TM, GV Tỉnh ủy,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ



Nguyễn Đức Trung

PHỤ LỤC
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NHIỆM KỲ 2025 - 2030
(ban hành kèm theo Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 03/10/2025
của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)

TT	Tên chỉ tiêu	Mục tiêu đến năm 2030
I	Chỉ tiêu xây dựng Đảng và hệ thống chính trị	
1	Chất lượng tổ chức đảng:	
-	Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hàng năm (%)	90 - 95
-	Tỷ lệ đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hàng năm (%)	90 - 95
2	Chất lượng cán bộ:	
-	Tỷ lệ cán bộ diện Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy quản lý hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hàng năm (%)	90 - 95
-	Tỷ lệ cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hàng năm (%)	90 - 95
3	Tinh gọn đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị và tinh giản biên chế bảo đảm chỉ tiêu Trung ương giao	Hoàn thành
4	Tỷ lệ đảng viên kết nạp hàng năm (so với tổng số đảng viên của Đảng bộ tỉnh năm trước đó (%))	03 - 04
5	Cơ bản hình thành và vận hành hiệu quả chính quyền số hiện đại trước năm 2030.	Hoàn thành
II	Chỉ tiêu kinh tế, khoa học, công nghệ	
6	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành (tỷ đồng)	517.170
-	Quy mô GRDP so với GDP (%)	1,96
-	Cơ cấu GRDP (%)	100

+	Nông, lâm nghiệp và thủy sản (%)	13 - 13,5
+	Công nghiệp và xây dựng (%)	41 - 41,5
	<i>Công nghiệp (%)</i>	25
	<i>Công nghiệp chế biến, chế tạo (%)</i>	18,5
+	Dịch vụ (%)	40 - 40,5
+	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm (%)	4,5 - 5
7	Tốc độ tăng GRDP bình quân giai đoạn 2026 - 2030 (theo giá so sánh)	12% trở lên
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản (%)	4,5 - 5
-	Công nghiệp và xây dựng (%)	15 - 16
	<i>Công nghiệp (%)</i>	17,5 - 18,5
	<i>Công nghiệp chế biến, chế tạo (%)</i>	20,0
-	Dịch vụ (%)	12 - 13
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm (%)	7 - 8
8	GRDP bình quân đầu người (triệu đồng /năm) (giá hiện hành)	165 - 190
9	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP (%)	25 - 30
10	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn (tỷ lệ tăng % bình quân/năm)	12% trở lên
11	Vốn đầu tư trên địa bàn giai đoạn 2026 - 2030 theo giá hiện hành (nghìn tỷ đồng)	1.150
12	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP (%)	57,3
13	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế (%)	55,0
14	Kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	9.000
15	Số doanh nghiệp hoạt động (nghìn doanh nghiệp)	30 - 32
	<i>Trong đó, có hoạt động đổi mới sáng tạo (%)</i>	>40

III	Chỉ tiêu văn hóa - xã hội	
16	Dân số trung bình (nghìn người)	3.657
17	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh (tuổi)	75 - 75,5
18	Chỉ số phát triển con người (HDI)	0,78
19	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế (nghìn người)	1.652
20	Tỷ trọng lao động có việc làm trong nền kinh tế (%)	100
21	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo (%)	77
	<i>Trong đó, có bằng, chứng chỉ (%)</i>	38
22	Tỷ lệ thất nghiệp (%)	<2,5
-	Thành thị (%)	<2,5
-	Nông thôn (%)	<2,5
23	Năng suất lao động theo giá hiện hành (triệu đồng/lao động)	285
-	Năng suất lao động theo giá so sánh (triệu đồng/lao động)	130,1
-	Tốc độ tăng năng suất lao động theo giá so sánh (%)	10 - 11
24	Số bác sỹ bình quân trên 10.000 dân (người)	17
25	Số giường bệnh trên 10.000 dân (giường)	>50
26	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế, tỷ lệ lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội	
-	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (%)	>95
-	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội (%)	41,5
27	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia (%)	85
28	Giảm tỷ lệ nghèo đa chiều (điểm %/năm)	0,5 - 1,5%
29	Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng (nghìn đồng)	8.179
30	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	

-	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (%)	100
-	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn (%)	60
31	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (%)	80
-	Đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (%)	50
-	Đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (%)	15
32	Xây dựng nhà ở xã hội giai đoạn 2026 - 2030 (căn hộ)	25.500
IV	Chỉ tiêu về môi trường	
33	Tỷ lệ che phủ rừng (%)	58
34	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý (%)	99
35	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý (%)	100
36	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn (%)	97
37	Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (%)	100
V	Chỉ tiêu quốc phòng, an ninh	
38	Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự hằng năm (%)	>80
39	Tỷ lệ đơn vị cấp xã sạch về ma túy (%)	58
